

BÁO CÁO
Thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục phổ thông
(Năm 2023)

Thực hiện Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT, ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân, trường, THPT Tân Đông báo cáo thực hiện các nội dung công khai theo quy định như sau:

1. Cam kết chất lượng giáo dục (Biểu mẫu 09).
 2. Công khai thông tin chất lượng giáo dục (Biểu mẫu 10).
 3. Công khai thông tin cơ sở vật chất (Biểu mẫu 11).
 4. Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên (Biểu mẫu 12).
- * Ghi chú: Xem các biểu mẫu đính kèm.

Trên đây là báo cáo các nội dung công khai đối với cơ sở giáo dục phổ thông của trường THPT Tân Đông. Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Sở GD và ĐT;
- CBVC đơn vị;
- Phụ huynh học sinh;
- Lưu: VT, niêm yết thông báo, website;


HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
TÂN ĐÔNG
Lê Minh Quốc

THÔNG BÁO
CAM KẾT CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
CỦA TRƯỜNG THPT TÂN ĐÔNG NĂM HỌC 2023 – 2024
(Kèm theo báo cáo số /BC-THPT, ngày 25/9/2023 của trường THPT Tân Đông)

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Điều kiện tuyển sinh	293/7 lớp - HS tốt nghiệp THCS, trong độ tuổi tuyển sinh vào lớp 10 thuộc địa bàn các xã của huyện Tân Châu và các địa bàn khác trong tỉnh Tây Ninh - Tham gia thi tuyển vào lớp 10 THPT theo quy định của Sở GDĐT Tây Ninh và được Giám đốc Sở GDĐT phê duyệt danh sách trúng tuyển.	234/ 6 lớp - HS sinh sống thuộc địa bàn các xã của huyện Tân Châu - HS đủ điều kiện lên lớp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. - HS chuyển trường phải đầy đủ hồ sơ theo quy định.	221/ 6 lớp - HS sinh sống thuộc địa bàn các xã của huyện Tân Châu. - HS đủ điều kiện lên lớp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. - HS chuyển trường phải đầy đủ hồ sơ theo quy định.
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 ¹ (CT GDPT 2018) đối với lớp 10 và lớp 11; thực hiện CT GDPT 2006 ² đối với lớp 12, bảo đảm hoàn thành chương trình năm học đúng kế hoạch		
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Nhà trường và gia đình có quy chế phối hợp chặt chẽ trong việc quản lý, giáo dục toàn diện học sinh. Duy trì thường xuyên thông tin liên lạc hai chiều giữa nhà trường và gia đình. Hoạt động Ban Đại diện CMHS đúng theo Thông tư hướng dẫn hiện hành. Ban Đại diện CMHS học sinh trường họp 3 lần/ năm và họp đột xuất khi có yêu cầu. Ban Đại diện trường, lớp có đủ thành phần, cơ cấu theo quy định. - Học sinh có thái độ học tập đúng đắn, chấp hành Bộ Quy tắc ứng xử văn hóa trong trường học và Nội quy của nhà trường. Mọi học sinh phải thực hiện tốt nội quy, quy định trong Điều lệ trường THPT, học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. - Tích cực, siêng năng học tập và rèn luyện để đạt kết quả cao trong tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, tác phong và tinh thần, thái độ học tập		

¹ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018, Thông tư số 34/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020, Thông tư số 19/2021/TT-BGDĐT ngày 01/7/2021, Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT ngày 03/8/2022; Quyết định số 712/QĐ-BGDĐT ngày 09/02/2021 ban hành Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Hàn và Tiếng Đức - Ngoại ngữ 1, hệ 10 năm thí điểm. Thông tư số 46/2020/TT- BGDĐT ngày 24/11/2020.

² Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006.

IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Nhà trường đảm bảo đủ phòng học, bàn ghế, thiết bị dạy học, dụng cụ thí nghiệm-thực hành; đảm bảo các phòng học bộ môn phục vụ cho thí nghiệm, thực hành. - Phòng học được trang bị đầy đủ: bảng từ, đèn chiếu sáng, quạt, màn hình trình chiếu..... - Được trang bị cơ sở vật chất khá đầy đủ để phục vụ công tác dạy và học như bổ sung máy chiếu, màn hình cảm ứng, thiết bị TNTH ở các phòng học bộ môn.			
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- Học sinh được tham gia hoạt động công tác Đoàn, Hội, các hoạt động NGLL, hướng nghiệp, trải nghiệm, hoạt động sinh hoạt truyền thống, các hoạt động xã hội, tự nguyện, hoạt động trải nghiệm..... - Được tham gia các phong trào hội thao, hội thi: văn hóa, văn nghệ -TDTT cấp huyện, tỉnh. Được hỗ trợ kinh phí hoạt động, khen thưởng từ các nguồn đóng góp của Ban Đại diện CMHS, kinh phí nhà trường. - Được giao lưu học tập giữa các lớp trong trường và giữa các trường trên địa bàn. - Tổ chức hoạt động NGLL, ngoại khóa nhân các ngày lễ lớn trong năm (20/11, 22/12, 8/3, 26/3, 19/5,...). - Xây dựng môi trường an toàn, lành mạnh, thân thiện, học sinh tích cực; cảnh quang môi trường sư phạm (xanh, sạch, đẹp). - Hưởng ứng và tham gia các phong trào hội thi do Ngành và trường phát động (học sinh giỏi, hội khỏe phù đồng,...).			
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	<table border="1"> <tr> <td> - Học sinh có khả năng tiếp tục học lên lớp 11 hoặc có thể tham gia phân luồng học các trường trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề, Cao đẳng nghề </td> <td> - Học sinh có khả năng tiếp tục học để hoàn thành chương trình lớp 12 hoặc có thể tham gia phân luồng học trung cấp, Cao đẳng nghề </td> <td> - Sau khi tốt nghiệp học sinh đủ điều kiện học các trường Cao đẳng nghề hoặc xét tuyển, thi tuyển vào các trường CĐ, ĐH </td> </tr> </table>	- Học sinh có khả năng tiếp tục học lên lớp 11 hoặc có thể tham gia phân luồng học các trường trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề, Cao đẳng nghề	- Học sinh có khả năng tiếp tục học để hoàn thành chương trình lớp 12 hoặc có thể tham gia phân luồng học trung cấp, Cao đẳng nghề	- Sau khi tốt nghiệp học sinh đủ điều kiện học các trường Cao đẳng nghề hoặc xét tuyển, thi tuyển vào các trường CĐ, ĐH
- Học sinh có khả năng tiếp tục học lên lớp 11 hoặc có thể tham gia phân luồng học các trường trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề, Cao đẳng nghề	- Học sinh có khả năng tiếp tục học để hoàn thành chương trình lớp 12 hoặc có thể tham gia phân luồng học trung cấp, Cao đẳng nghề	- Sau khi tốt nghiệp học sinh đủ điều kiện học các trường Cao đẳng nghề hoặc xét tuyển, thi tuyển vào các trường CĐ, ĐH			

Tân Châu, ngày 25 tháng 9 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị



Lê Minh Quốc

THÔNG BÁO
CÔNG KHAI THÔNG TIN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC THỰC TẾ
CỦA TRƯỜNG THPT TÂN ĐÔNG, NĂM HỌC 2023-2024

(Kèm theo báo cáo số /BC-THPT, ngày 25/9/2023 của trường THPT Tân Đông)

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	743	298	234	211
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	661(88,96%)	253(84,89%)	204(87,1%)	204(96,68%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	72(9,69%)	38(12,75%)	27(11,53%)	7(3,31%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	10(1,34%)	7(2,34%)	3(1,28%)	0
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	743	298	234	211
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	106(14,26%)	40(13,4%)	39 (16,66%)	27(12,79%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	278(37,41%)	99(33,2%)	74(31,6%)	105(49,76%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	308(41,45%)	128(42,95%)	108(46,15%)	72 (34,1%)
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	51(6,86%)	31(10,4%)	13(5,55%)	7(0,41%)
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	743	298	234	211
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	699(93,48%)	267(89,5%)	221(94,4%)	211(100%)
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	106(16.85%)	40(13,4%)	39 (16,6%)	27(12,7%)
b	Học sinh tiên tiến	278(37.12%)	99(33,2%)	74(31,6%)	105(49,76%)

	(tỷ lệ so với tổng số)				
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	69/743(9,28%)	48/298(16,1%)	21/234(8,97%)	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	44(5,92%)	31(10,4%)	13(5,55%)	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	Chuyển về: 03			
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	13(1,74%)	6	7	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi				
1	Cấp huyện	0	0	0	0
2	Cấp tỉnh/thành phố	3	0	1	2
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	211(100%)	0	0	211(100%)
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	202(95,7%)			202(95,7%)
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)				
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)				
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)				
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng(tỷ lệ so với tổng số)				
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	308/435	124/174	100/134	84/127
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	20/14	13/8	2/2	5/4

Tân Châu, ngày 25 tháng 9 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị



Lê Minh Quốc

THÔNG BÁO
CÔNG KHAI THÔNG TIN CƠ SỞ VẬT CHẤT
CỦA TRƯỜNG THPT TÂN ĐÔNG, NĂM HỌC 2023-2024

(Kèm theo báo cáo số /BC-THPT, ngày 25/9/2023 của trường THPT Tân Đông)

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	24	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	24	1.37
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
5	Số phòng học bộ môn	6	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	1	-
7	Bình quân lớp/phòng học	1/1	-
8	Bình quân học sinh/lớp	40,8 HS/ lớp	-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	9742.2	12.55
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)		
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	1.152	1,37
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	360	0.46
3	Diện tích thư viện (m ²)	72	0.09
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	0	0
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	96	0.12
6	Phòng khác		
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 10		
1.2	Khối lớp 11		
1.3	Khối lớp 12		

2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp...		
2.2	Khối lớp...		
2.3	Khối lớp...		
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)		
4	Khu tập thể dục đa năng		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	60	
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi; màn hình LCD và màn hình cảm ứng	8	0.44
2	Màn điện tử và máy chiếu đa năng	6	
3	Cát xét	0	
4	Máy vi tính, máy in (thư viện)	1	
5	Máy in khảo thí	1	
6	Máy tính (chuyên môn và quản lý)	5	
7	Máy in (quản lý)	5	
8	Máy lạnh (phòng vi tính, hội đồng và phòng họp, phòng Hiệu trưởng)	10	0,2
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi (LCD)	11	0,57
2	Bảng tương tác thông minh	6	0,31
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	5	0,26
5	Máy tính xách tay	9	0,47
6	Hệ thống loa nội bộ không dây	1	97,4
7	Loa, ampli phòng hội trường cố định, phòng lab	1	0.05
8	Máy photocopy	1	
9	Máy fax		
10	Máy scan	2	
11	Máy quay phim KTS		
	Nội dung	Số lượng (m ²)	
X	Nhà bếp		

XI	Nhà ăn					
	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ		Diện tích bình quân/chỗ	
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú					
XIII	Khu nội trú					
XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	x		x		0,14
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					
	Nội dung	Có		Không		
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x				
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x				
XVII	Kết nối internet	x				
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x				
XIX	Tường rào xây	x				

Tân Châu, ngày 25 tháng 9 năm 2023

Thư trưởng đơn vị



Lê Minh Quốc

THÔNG BÁO
CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ
VÀ NHÂN VIÊN CỦA TRƯỜNG THPT TÂN ĐÔNG,
NĂM HỌC 2023-2024

(Kèm theo báo cáo số /BC-THPT, ngày 26/9/2023 của trường THPT Tân Đông)

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	40		07	28	01	01	03	26	9				
I	Giáo viên	32		07	25			20						
	Trong đó số giáo viên dạy môn:													
1	Toán	5		3	2			5						
2	Lý	3		1	2			2	1					
3	Hóa	2			2			2						
4	Sinh học	2		2					2					
5	Văn	5			5			4	1					
6	Sử	2			2			1	1					
7	Địa	2			2				2					
8	GDCD	2			2			1	1					
9	Tiếng anh	3			3			3						
10	Công nghệ													
11	Thể dục	3			3			3						
12	QPAN	1			1			1						
13	Tin học	2		1	1			1	1					
II	Cán bộ quản lý	2			2			2				1	1	
1	Hiệu trưởng				1			1					1	
2	Phó hiệu trưởng				1			1					1	
III	Nhân viên	6			1	1	1	3						
1	Nhân viên văn thư													
2	Nhân viên kế toán	1			1									
3	Thủ quỹ													

4	Nhân viên y tế	1					1								
5	Nhân viên thư viện	1				1									
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm														
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật														
8	Nhân viên công nghệ thông tin														
9	Nhân viên bảo vệ	2						2							
10	Nhân viên phục vụ	1						1							

Tân Châu, ngày 26 tháng 9 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị



Lê Minh Quốc